

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy chế biến cà phê hòa tan Cà phê Ngon” tại Cụm công nghiệp Cư Kuin, xã Dray Nhấp, tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 2671/SNNMT-QLMT ngày 17/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường “về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy chế biến cà phê hòa tan Cà phê Ngon tại Cụm công nghiệp Cư Kuin, xã Dray Nhấp, huyện Cư Kuin”; Văn bản số 2306/2025/CV ngày 23/6/2025 của Công ty TNHH Cà phê Ngon “về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy chế biến cà phê hòa tan Cà phê Ngon tại Cụm công nghiệp Cư Kuin, xã Dray Nhấp, huyện Cư Kuin” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 230/TTr-SNNMT ngày 27/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy chế biến cà phê hòa tan Cà phê Ngon” tại Cụm công nghiệp Cư Kuin, xã Dray Nhấp, tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Cà phê Ngon (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Cụm công nghiệp

Cư Kuin, xã Dray Bhang, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật đối với các nội dung tham mưu, đề xuất UBND tỉnh tại Tờ trình số 230/TTr-SNNMT ngày 27/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan kiểm tra, theo dõi việc triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tỉnh;
 - Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
 - Sở Nông nghiệp và Môi trường;
 - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
 - TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
 - UBND xã Dray Bhang;
 - Công ty TNHH Cà phê Ngon
- (Đ/c: Cụm công nghiệp Cư Kuin, xã Dray Bhang, tỉnh Đắk Lắk);
- Lưu: VT, NNMT (Trung 07b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CÀ PHÊ HÒA TAN CÀ PHÊ NGON” TẠI CỤM
CÔNG NGHIỆP CƯ KUIN, XÃ DRAY BẰNG, TỈNH ĐẮK LẮK**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Nhà máy chế biến cà phê hòa tan Cà phê Ngon tại Cụm công nghiệp Cư Kuin, xã Dray Bằng, tỉnh Đắk Lắk.
- Địa điểm thực hiện dự án: Cụm công nghiệp Cư Kuin, xã Dray Bằng, tỉnh Đắk Lắk.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Cà phê Ngon.
- Địa chỉ liên lạc: Cụm công nghiệp Cư Kuin, xã Dray Bằng, tỉnh Đắk Lắk.

1.2. Quy mô, công suất:

- Sản xuất cà phê hòa tan: 36.000 tấn/năm
- Sản xuất cà phê lỏng: 6.000 tấn/năm.
- Mua bán, xuất nhập khẩu cà phê nhân: 15.000 tấn/năm

1.3. Công nghệ sản xuất

Quy trình công nghệ sản xuất như sau:

+ Sản phẩm cà phê hòa tan, công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất cà phê lỏng, công suất 6.000 tấn/năm (đang hoạt động):

Cà phê nhân → Thiết bị làm sạch cà phê → Sàng phân loại → Silo chứa → Rang → Làm nguội → Máy xay/nghiền → Trích ly (Đóng gói sản phẩm cà phê lỏng) → Ly tâm → Bay hơi → Bồn chứa cà phê cô đặc → Thiết bị sấy phun → Thùng chứa cà phê hòa tan → Đóng gói sản phẩm cà phê hòa tan.

+ Sản phẩm cà phê hòa tan, công suất 6.000 tấn sản phẩm/năm (mở rộng, nâng công suất)

Cà phê nhân → Thiết bị làm sạch cà phê → Sàng phân loại → Silo chứa → Rang → Làm nguội → Máy xay/nghiền → Trích ly (Đóng gói sản phẩm cà phê lỏng) → Ly tâm → Bay hơi → Bồn chứa cà phê cô đặc → Thiết bị sấy lạnh → Thùng chứa cà phê hòa tan → Đóng gói (sản phẩm cà phê hòa tan).

+ Mua bán, xuất nhập khẩu cà phê nhân, công suất 15.000 tấn/năm (mở rộng, nâng công suất)

Nhà máy thu, mua cà phê nhân trong nước → nhập về kho → Xuất khẩu trực tiếp cho các nhà máy thuộc tập đoàn ở các quốc gia như: EU, Nhật Bản, Anh, Hàn Quốc,...

1.4. Phạm vi

Dự án thực hiện trong khuôn viên Nhà máy hiện hữu của Công ty TNHH Cà phê Ngon trên diện tích 222.132 m² tại Cụm công nghiệp Cư Kuin, xã Dray Bhang, tỉnh Đắk Lắk.

1.4.1. Các hạng mục công trình của dự án:

1.4.1.1. Các hạng mục tiếp tục sử dụng của Nhà máy hiện hữu gồm:

- Các hạng mục công trình nhà xưởng sản xuất chính:

+ Dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm và cà phê lỏng công suất 6.000 tấn/năm.

+ Lò hơi công suất 35 tấn/h.

+ Lò hơi công suất 45 tấn/h.

+ Nhà xưởng, kho chứa, khu văn phòng có diện tích 33.982 m².

- Các hạng mục công trình phụ trợ:

+ Một (01) Hệ thống lọc nước RO công suất 1.760 m³/ngày.

+ Một (01) Hệ thống lọc nước RO công suất 1.200 m³/ngày.

+ Một (01) Hệ thống xử lý nước mưa công suất 600 m³/ngày.

+ Một (01) Hệ thống xử lý - tái sử dụng nước thải công suất 800m³/ngày.

+ Một (01) Hệ thống thu hồi tái sử dụng nước reject RO công suất 700 m³/ngày.

+ Nhà bảo vệ, nhà để xe, nhà ăn, nhà nghỉ công nhân, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống PCCC, hệ thống thông tin liên lạc, đường giao thông nội bộ và công trình phụ trợ khác.

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

+ Một (01) Hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

+ Một (01) Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

+ Hai (02) bể tự hoại 3 ngăn. Kích thước mỗi bể tự hoại: 7,5 x 1,5 x 2,0m.

+ Một (01) Hệ thống xử lý nước thải công suất 2.200 m³/ngày (cùng hệ thống quan trắc tự động)

+ Hai (02) Hệ thống thu gom bụi (02 cyclone) tại khu vực phân loại và làm sạch nguyên liệu.

+ Một (01) Hệ thống xử lý khí thải lò hơi tại khu vực lò hơi công suất 35 tấn/h.

+ Một (01) Hệ thống xử lý khí thải lò hơi tại khu vực lò hơi công suất 45 tấn/h.

+ Một (01) Nhà chứa chất thải rắn (nhà chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 16 m², nhà chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 80 m² và nhà chứa chất thải nguy hại có diện tích 50 m²).

- Một (01) nhà đặt máy ép bùn thải có diện tích 12 m².

1.4.1.2. Các hạng mục mở rộng, nâng công suất của Dự án gồm:

- *Các hạng mục công trình nhà xưởng sản xuất chính:*

+ Dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan công suất 6.000 tấn sản phẩm/năm.

+ Lò hơi công suất 17 tấn/h.

+ Xây dựng thêm nhà xưởng, nhà sản xuất và kho chứa diện tích 17.998,03m².

+ Xây dựng thêm khối văn phòng, căn tin, nhà thể thao diện tích 2.283,87m².

- *Các hạng mục công trình phụ trợ:*

+ Xây dựng mới 01 Hệ thống lọc nước RO 1.438 m³/ngày.

+ Hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống PCCC, hệ thống thông tin liên lạc, đường giao thông nội bộ và công trình phụ trợ khác.

- *Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:*

+ Một (01) Hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

+ Một (01) Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

+ Một (01) bể tự hoại 3 ngăn. Kích thước bể tự hoại: 7,5 x 1,5 x 2,0m.

+ Xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải công suất 638 m³/ngày

+ Lắp đặt mới thêm 01 hệ thống thu gom bụi (01 cyclone) tại khu vực phân loại và làm sạch nguyên liệu.

+ Lắp đặt thêm 01 hệ thống xử lý khí thải tại khu vực lò hơi công suất 17 tấn/h.

1.4.2. Các hoạt động của dự án đầu tư:

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng;

+ Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị;

+ Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án; hoạt động sinh hoạt của công nhân.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động sản xuất;

- + Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Dự án;
- + Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại Dự án;
- + Hoạt động vệ sinh; bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng và thi công xây dựng các hạng mục chính, các hạng mục công trình phụ trợ, các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Dự án;

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu làm phát sinh bụi, khí thải;

- Nước thải sinh hoạt, nước thải thi công, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành:

Tác động đến môi trường khi Dự án đi vào hoạt động gồm: bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Nước thải sinh hoạt (Phát sinh từ hoạt động của các cán bộ, công nhân và nhân viên phục vụ Dự án) với lưu lượng khoảng 4 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ công nhân, nhân viên tham gia hoạt động của Dự án tại khu vực văn phòng, căn tin với lưu lượng khoảng 26,65 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

+ Nước thải sản xuất: Phát sinh với lưu lượng khoảng 2.838 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), chất lơ lửng (SS), các chất dinh dưỡng (N, P), Coliform...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng, tập kết nguyên vật liệu; thi công xây dựng các hạng mục chính, các hạng mục công trình phụ trợ, các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Dự án; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂, VOCs.

- Giai đoạn vận hành:

+ Phát sinh từ hoạt động sản xuất; hoạt động của các phương tiện vận chuyển của công nhân, vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm của Dự án; từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phân loại, làm sạch nguyên liệu và xử lý khí thải tại khu vực lò hơi. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh khoảng 36 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì, vỏ chai lọ...

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh khoảng 120 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì giấy, vỏ chai lọ, thức ăn thừa...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 0,06 tấn/ngày; thành phần chủ yếu gồm: gạch vụn, cát đá, bao xi măng...

- Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn thông thường phát sinh khoảng 17 tấn/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bã cà phê, bao bì chứa nguyên vật liệu, tro từ lò đốt, bùn từ hệ thống xử lý nước thải...

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh khoảng 30kg; thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau có dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy, pin...

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động của dự án với khối lượng khoảng 2,3 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì hóa chất, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, giẻ lau, gang tay dính dầu mỡ bôi trơn thải...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động san gạt, đào đắp; vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị; thi công các hạng mục công trình của Dự án.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động sản xuất; vận hành các máy móc, thiết bị phục vụ Dự án; các phương tiện giao thông, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của Dự án.

3.4. Các tác động khác

- Tác động đến hoạt động giao thông trong khu vực dự án và vùng dự án.

- Tác động do hoạt động khai thác nước dưới đất: Việc khai thác nước ngầm thường xuyên, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật sẽ có nguy cơ làm hạ thấp mực nước ngầm trong khu vực; gây sụt lún các lớp đất đá trong tầng chứa nước và gây sụt lún công trình ...

- Tác động do sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố bỏng lạnh...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Tận dụng 02 nhà vệ sinh trong nhà máy hiện có để xử lý nước thải sinh hoạt.

b) Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt: Được thu gom, xử lý sơ bộ (Nước thải nhà vệ sinh được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn (Kích thước bể tự hoại: 7,5 x 1,5 x 2,0m); nước thải từ các hoạt động sinh hoạt khác được thu gom, dẫn qua song chắn rác) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Quy trình, công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện hữu (Công suất 2.200 m³/ngày đêm):

Nước thải → Song chắn rác → Bể điều hòa → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể UASB → Bể MBBR → Bể lắng sinh học 1 → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học 2 → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Cột lọc → Trạm quan trắc nước thải tự động → Hồ Ea Ung (Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B với hệ số áp dụng $K_q = 0,6$; $K_f = 1,0$).

- Quy trình, công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn nâng công suất (Công suất 638 m³/ngày đêm):

Nước thải có màu → Hồ thu → Bể điều hòa → Lọc rác tinh → keo tụ - tạo bông → Bể lắng → Bơm về bể chứa trung gian xử lý cùng nước thải không màu.

Nước thải không màu → Hồ thu → Tháp giải nhiệt → Bể chứa trung gian (xử lý cùng nước thải có màu) → Bể UASB → Bể Anoxic → Bể Aerotank 1 → Bể lắng 1 → Bể Aerotank 2 → Bể lắng 2 → Bể chứa trung gian → Lọc áp lực → Tái sử dụng 100% trong khu vực nhà máy không xả thải ra ngoài môi trường (Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B với hệ số áp dụng $K_q = 0,6$; $K_f = 1,0$).

- Lắp đặt đồng hồ hoặc thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động và truyền dẫn số liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn thi công

- Các phương tiện, thiết bị tham gia thi công xây dựng và vận tải phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường. Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào khu vực dự án được phủ bạt để hạn chế việc rơi vãi, phát tán chất thải trên đường vận

chuyên; chở đúng tải trọng quy định. Bố trí khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng phù hợp, phủ bạt che chắn tránh phát tán gây ô nhiễm bụi.

- Công trình: không có.

b) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn vận hành:

- Giảm thiểu bụi, khí thải từ quá trình làm sạch và phân loại nguyên liệu:

Lắp đặt 01 hệ thống thu gom bụi (01 cyclone) với quy trình xử lý như sau: Bụi phát sinh từ quá trình làm sạch và phân loại nguyên liệu (silo chứa cà phê, thiết bị sàng, phân loại, tách đá sỏi) sẽ theo đường ống thu gom dẫn về cyclone lọc bụi. Tại đây, không khí cùng với bụi sẽ đi vào thiết bị theo phương tiếp tuyến với ống trụ và chuyển động xoáy tròn đi xuống phía dưới. Khi dòng khí và bụi chuyển động theo quỹ đạo tròn (dòng xoáy) thì các hạt bụi có trọng lượng lớn hơn các phân tử khí sẽ chịu tác dụng của lực ly tâm văng ra xa trục và va vào thành. Khi bụi chạm thành cyclone, sẽ bị mất quán tính và rơi xuống ngăn chứa bụi phía dưới. Các hạt bụi nhẹ thì sẽ đọng lại làm thành lớp đến đủ nặng sẽ rơi xuống đáy. Khí sạch sau khi xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp trước khi theo ống thoát khí thải vào môi trường.

- Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi

Lắp đặt 01 Hệ thống xử lý khí thải lò hơi với quy trình công nghệ xử lý như sau: Khí thải lò hơi → Bộ thu hồi nhiệt → Cyclone lọc bụi → Ventury → Tháp lọc ướt → Tháp lọc khô → Ống thoát khí thải (Khí thải sau khi xử lý đạt yêu cầu theo QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp).

- Giảm thiểu mùi hôi tại quá trình rang, xay, trích ly; tại khu xử lý nước thải, khu lưu giữ chất thải rắn.

Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động theo quy định cho công nhân (găng tay, khẩu trang, giày cao su,...), thường xuyên giám sát việc sử dụng bảo hộ lao động trong quá trình vận hành lò hơi.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng chứa rác có nắp đặt tại khu vực nhà máy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; thực hiện phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định. Chất thải hữu cơ được xử lý cùng với chất thải Nhà máy hiện hữu; chất thải có thể tái chế được thu gom, bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Tận dụng lượng đất đào thải vào san lấp mặt bằng. Toàn bộ chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình xây dựng sẽ được thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ xây dựng “Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng”.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy đặt tại khu vực văn phòng, nhà ăn, nhà nghỉ công nhân, khu vực sản xuất để thu gom tất cả các loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ Dự án; sau đó vận chuyển về nhà chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 16 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Đối với bã cà phê đã sấy khô tại lồng sấy của lò hơi sẽ được lưu giữ tại kho chứa nhiên liệu đốt và sử dụng để làm nhiên liệu đốt cho lò hơi.

+ Đối với bao bì chứa nguyên vật liệu, bao bì đóng gói, phế liệu trong quá trình bảo trì, bảo dưỡng: Sẽ được thu gom vào nhà chứa chất thải thông thường hiện hữu có diện tích 80 m² đồng thời chuyển giao cho đơn vị mua bán phế liệu thu gom và vận chuyển ra nhà máy.

+ Đối với tro lò đốt, bụi từ cyclone: Thu gom về nhà chứa chất thải thông thường hiện hữu có diện tích 80 m² sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

+ Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được đưa về máy ép bùn công suất 20 m³/giờ để ép khô bùn, bùn sau ép được chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- Yêu cầu: Thực hiện phân định, phân loại bùn thải và có biện pháp quản lý theo quy định. Phải đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án được thu gom, quản lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại

a) *Giai đoạn thi công, xây dựng*: Thu gom, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa riêng (Có nắp đậy, dán nhãn theo quy định). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

b) *Giai đoạn vận hành*: Thu gom chất thải nguy hại phát sinh và lưu chứa trong các thùng chứa riêng biệt, có dán nhãn cảnh báo và mã chất thải nguy hại theo đúng quy định; được lưu giữ tạm thời trong kho lưu giữ chất thải nguy hại hiện hữu có diện tích 50 m² theo đúng quy định. Định kỳ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định.

c) *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Thu gom, giám sát, quản lý; đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị

định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công

- Sử dụng máy móc, thiết bị thi công đạt đăng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Công trình: không có.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt).

- Khu vực xử lý hạt cà phê, khu vực máy phát điện được cách ly với khu vực văn phòng.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về điện, cháy nổ

Tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn và phòng chống cháy nổ.

b) Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động

Tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn và vệ sinh lao động.

c) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về xử lý nước thải

Lập kế hoạch kiểm tra, bảo trì thường xuyên các hồ/bể xử lý. Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; trang bị thiết bị dự phòng tại hệ thống xử lý nước thải.

d) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố lò hơi

Tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn vận hành lò hơi.

e) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn hóa chất.

f) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố bỏng lạnh

Lập kế hoạch kiểm tra, bảo trì thường xuyên khu vực sấy lạnh. Vận hành khu vực sấy lạnh theo đúng quy trình kỹ thuật; Trang bị cảm biến rò rỉ môi chất lạnh, cảm biến nhiệt độ và hệ thống cảnh báo tự động.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

a) Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông:

Xây dựng phương án tổ chức thi công phù hợp; đảm bảo các hoạt động trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành của Dự án không gây ảnh hưởng đến việc đi lại của người dân trên tuyến đường đi qua khu vực thực hiện Dự án.

b) Biện pháp giảm thiểu tác động từ việc khai thác nước ngầm tại dự án

- Tuân thủ đúng các quy định pháp luật về hoạt động khai thác nước dưới đất phục vụ Dự án.

- Thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý có liên quan đến hoạt động khai thác nước dưới đất. Báo cơ quan chức năng khi phát hiện có dấu hiệu bất thường xảy ra (Hiện tượng sụt mực nước ngầm; sụt lún các công trình xung quanh khu vực khai thác; thay đổi về chất lượng nước ngầm ...).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2. Giám sát môi trường

5.2.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng

5.2.1.1. Giám sát chất lượng không khí xung quanh

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong thời gian triển khai xây dựng.
- Vị trí: 01 điểm (Tại vị trí vị trí khu vực xây dựng dự án).
- Thông số: Tiếng ồn, Bụi, CO, SO₂, NO₂.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.2.1.2. *Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại*

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi khi phát sinh chất thải) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.
- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải.
- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường khác và chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.
- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ xây dựng “Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng”.
- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

5.2.1.3. *Giám sát khác*

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong giai đoạn xây dựng Dự án.
- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.
- Nội dung giám sát: Công tác PCCC, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động, nguy cơ sụt lún, sạt lở, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường có thể xảy ra.
- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác có liên quan.

5.2.2. **Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án**

Việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án phải tuân thủ theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường” được Sửa đổi, bổ sung tại khoản Khoản 8 Điều 1 sửa đổi, bổ sung tại Khoản 19 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và theo Giấy phép môi trường của Dự án.

5.2.3. **Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành Dự án**

5.2.3.1. *Giám sát chất lượng khí thải*

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần (Giám sát trong điều kiện dự án đang hoạt động sản xuất).
- Vị trí: 06 điểm.

+ KT1: tại ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải lò hơi 35 tấn/h. Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi tổng, SO₂, NO₂, CO, H₂S.

+ KT2: tại ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải lò hơi 45 tấn/h. Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi tổng, SO₂, NO₂, CO, H₂S.

+ KT3: tại ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải lò hơi 17 tấn/h. Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi tổng, CO, SO₂, NO_x, H₂S.

+ KT4: tại ống thoát khí hệ thống cyclone lọc bụi 1 (khu nhà cũ). Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi.

+ KT5: tại ống thoát khí hệ thống cyclone lọc bụi 2 (khu nhà xây dựng năm 2022). Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi.

+ KT6: tại ống thoát khí hệ thống cyclone lọc bụi 3 (khu nhà mở rộng). Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

5.2.3.2. Giám sát nước thải

Thực hiện giám sát nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và theo Giấy phép môi trường.

a) Giám sát đối với nước thải trước khi xử lý (Đầu vào hệ thống xử lý nước thải)

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 điểm (trước khi chuyển nước thải vào Bể điều hòa của Hệ thống xử lý nước thải).

- Thông số: Độ màu, pH, TSS, BOD₅, COD, Cl⁻, tổng Nito, tổng Phospho, Amoni, tổng Coliform.

b) Giám sát đối với nước thải sau khi xử lý (Đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải trước khi thải vào nguồn tiếp nhận)

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 điểm (Đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải trước khi thải vào nguồn tiếp nhận).

- Thông số quan trắc: Độ màu, pH, TSS, BOD₅, COD, Cl⁻, tổng Nito, tổng Phospho, Amoni, tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2010/BTNMT (cột B, K_q = 0,6; K_f = 1,0)

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

c) Giám sát đối với nguồn tiếp nhận nước thải

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 02 điểm tại hồ Ea Ung (01 điểm cách vị trí xả thải 20m về phía trái, 01 điểm cách vị trí xả thải 20m về phía phải).

- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni, Nitrit, Phosphat, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

d) Giám sát nước thải tự động liên tục

- Tần suất giám sát: liên tục.

- Vị trí giám sát: 01 điểm (tại vị trí đầu ra của Hệ thống xử lý nước thải 2.200 m³/ngày đêm).

- Thông số quan trắc: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2010/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.2.3.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn thông thường.

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường.

- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải (Theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật đã cam kết).

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư 07/2025/TT-BTNMT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

5.2.3.4. Giám sát chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao chất thải cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Nhà lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP

ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

5.2.3.5. *Giám sát sự cố môi trường và các giám sát khác*

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.

- Nội dung giám sát: Nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước mưa và thoát nước mưa, hệ thống thu gom và thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải tập trung; sự cố sụt lún, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường khác có thể xảy ra; công tác PCCC; an toàn điện; an toàn và vệ sinh lao động; an toàn hóa chất.

- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về thu gom và xử lý nước thải, phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện, an toàn hóa chất, quản lý bảo vệ rừng bền vững và các quy định khác liên quan.

6. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chỉ được triển khai xây dựng Dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về xây dựng theo quy định pháp luật.

6.2. Tuân thủ Quy hoạch tổng thể đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Thiết kế cơ sở của dự án (bao gồm các công trình bảo vệ môi trường) phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và thực hiện xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng.

6.3. Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp; tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan. Hạn chế tối đa các tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn và các tác động khác gây ảnh hưởng đến môi trường và khu vực lân cận; đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án. Áp dụng biện pháp về công nghệ để giảm thiểu hiệu quả các tác động tiêu cực do chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án.

6.4. Xây dựng hoàn chỉnh các công trình xử lý chất thải của Dự án; lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trình cơ quan chức năng có thẩm quyền kiểm tra, cấp phép trước khi vận hành công trình xử lý chất thải theo khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường; Báo cáo kế hoạch, kết quả vận hành thử nghiệm theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Sau khi được cấp giấy phép môi trường, chủ dự án vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; đăng ký môi trường trước khi

vận hành chính thức sau khi đã hoàn thành vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

6.5. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải xây dựng riêng biệt với nước thải. Nước thải sau khi xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 40:2010/BTNMT (cột B, $Kq = 0,6$; $Kf = 1,0$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Khí thải sau khi xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

6.6. Tuân thủ các quy định về an toàn và phòng chống cháy nổ. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định.

6.7. Thiết lập mô hình quản lý, vận hành Dự án và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải định kỳ theo đúng quy định pháp luật hiện hành; báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định và lưu giữ các tài liệu có liên quan đến báo cáo tại cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.

6.8. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

6.9. Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện Dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có sự thay đổi so với Quyết định phê duyệt này, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường./.